

TỪ CỔ, TỪ LỊCH SỬ, TỪ ĐỊA PHƯƠNG TRONG ĐỊA DANH NAM BỘ

LÊ TRUNG HOA

Trong địa danh Nam Bộ có hàng trăm từ cổ, từ lịch sử và từ địa phương. Trước hết, từ cổ là những từ được sử dụng ngày xưa, nay được thay thế bằng những từ đồng nghĩa tương ứng. Các địa danh Bảy Háp, Ngã Bát, Ngã Cạy... thuộc loại này. Kế đến, từ lịch sử là những từ được sử dụng trước kia, nay đối tượng của nó không còn nữa, gồm các từ chỉ các đơn vị hành chính cũ (Long Châu Hà), các chức danh cũ (Chường Cơ), các công trình xây dựng cũ (bảo). Sau cùng, từ địa phương là những từ chỉ phổ biến ở một số địa phương, gồm những từ chỉ tên cây (Cây Sộp), tên địa hình (Bưng Môn), tên các con vật (Cá tra),...

Trong địa danh Nam Bộ có hàng trăm từ cổ, từ lịch sử, từ địa phương. Trong bài này, chúng tôi chỉ nêu một số địa danh mang các từ tiêu biểu.

1. TỪ CỔ

Từ cổ là những từ được sử dụng ngày xưa, nay được thay thế bằng những từ đồng nghĩa tương ứng.

1.1. Đầu tiên là từ chỉ đơn vị đo lường

Bảy Háp là sông ở tỉnh Cà Mau, từ thành phố Cà Mau chảy vào vịnh Thái Lan, dài 48km, cửa sông rộng 500m. Nguyên có một mùa cá tôm, gia đình một ngư phủ đánh bắt kỷ lục được 7 háp. Có hai cách giải thích háp: 1. Bảy háp có trọng lượng 42.000kg (Nghê Văn Lương, 2003). 2. Háp là đơn vị trọng lượng tương đương 50kg: 1 háp là 10 yến, 1 yến là 10 nan, 1 nan phỏng chừng 1 livre (= nửa ký)

(Béhaïne, 1999). Vậy bảy háp tương đương 350kg. Trọng lượng kỷ lục này trở thành tên sông. Số lượng tính theo cách thứ hai hợp lý hơn.

1.2. Tiếp theo là địa danh chỉ địa hình

Hóc Hươu là rạch ở xã Qui Đức, huyện Bình Chánh, TPHCM. **Hóc Môn** là huyện của TPHCM, diện tích 109,2km², dân số 205.000 người (2006), gồm thị trấn Hóc Môn và 11 xã. **Hóc** là dạng cổ của **hói**, là "dòng nước nhỏ"; ngày xưa hươu nai thường đến uống nước tại rạch (Nguyễn Tấn Anh, 2008); còn **Môn** vốn là "cây môn nước".

1.3. Kế đến là từ cổ chỉ sự vật, đồ vật nay đã thay tên

Mỏ Càych là vùng đất hai bên quốc lộ 1A ở phía bắc thị trấn Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. **Mỏ Càych** cũng là tên một huyện của tỉnh Bến Tre. **Mỏ Càych** vốn là tên một bộ phận của cái càych, từ tay nắm đến lưỡi càych (*Dictionnaire Annamite - Français* của Génibrel dịch

Lê Trung Hoa. Phó Giáo sư tiến sĩ. Nguyên Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Ngôn ngữ học, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

là *manche d'une charue* – “cán cày”). Mỏ cày hình cong như chữ Z nên những vật có hình dáng tương tự thì gọi là mỏ cày, như *sao mỏ cày*. Đoạn quốc lộ 1A chạy qua vùng này của tỉnh Quảng Ngãi cong như cái mỏ cày nên mang tên trên. Sông Hàm Luông ở tỉnh Bến Tre cũng có hình cong như cái mỏ cày. Sách chữ Hán dịch là “lê đầu giang” (sông giống đầu cái cày). Ngày nay, người ta không dùng từ mỏ cày mà gọi là *chuôi cày*.

Cái Bát là sông nhánh bên phải sông chính ở hạt Tây Ninh xưa (Huỳnh Tịnh Của, 1895 - 1896). *Ngã Bát* là sông nhỏ ở xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Cái Bát, Ngã Bát là “sông nhánh bên phải”. Theo Bình Nguyên Lộc, từ Bát gốc Chăm là *Pót*, nghĩa là “kéo cây chèo khó khăn” (Bình Nguyên Lộc, 1972). Về ngữ âm, Pót có thể chuyển thành Bát, nhưng về ngữ nghĩa thì không thích hợp.

Cái Cạy là nhánh của con sông chính ở hạt Tây Ninh xưa. *Ngã Cạy* là rạch ở xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, TPHCM, đổ vào rạch Chiểu. Cái Cạy, Ngã Cạy là “sông nhánh bên trái”. Theo Bình Nguyên Lộc, từ Cạy gốc Chăm là *Kuấk*, nghĩa là “tránh né nhau trên sông, trên biển, không cứ phải bên nào” (Bình Nguyên Lộc, 1972). Cách giải thích của Bình Nguyên Lộc không ổn về ngữ âm lẫn ngữ nghĩa. Theo suy luận của chúng tôi, hai từ *mặt* và *trái* có thể là dạng gốc của *bát* và *cạy*.

2. TỪ LỊCH SỬ

Từ lịch sử là những từ được sử dụng trước kia, nay đối tượng của nó không

còn nữa.

2.1. Trước hết là tên những đơn vị hành chính cũ

Trấn Biên là dinh được lập năm 1698 ở Nam Bộ, năm 1808 đổi thành trấn Biên Hòa, nay là tỉnh Đồng Nai. Trấn Biên là “trấn giữ nơi biên giới”.

Trấn Giang là vùng đất do Mạc Cửu nhập vào Đàng Trong năm 1714, sau trở thành một đạo (1739), nay là vùng Hậu Giang, thành phố Cần Thơ. Trấn Giang là “vùng sông được trấn giữ”.

Trấn Định là dinh được lập từ năm 1781, trước đó là đạo Trường Đồn, năm 1808 là trấn Định Tường, năm 1832 là tỉnh Định Tường, nay là tỉnh Tiền Giang. Trấn Định là “trấn nhậm cho ổn định”.

Trấn Vĩnh là dinh ở Nam Bộ, lập năm 1788, nay là vùng Vĩnh Long. Trấn Vĩnh là “trấn giữ mãi mãi”.

Phiên Trấn là dinh do Gia Long đặt năm 1802, đến năm 1808 đổi thành trấn Phiên An, năm 1832 đổi thành tỉnh Gia Định. Phiên Trấn là “đồn trú bảo vệ của quân đội”.

Thủ Chiến Sai là địa điểm ở vùng Chợ Mới, tỉnh An Giang. Sau bị gọi chệch thành Thủ Kiến Sai, có lẽ do người Pháp làm sai lạc vì trong tiếng Pháp có chữ “h” câm nên *Chiến* thành *Kiến*, giống *Chí* (Hòa) thành *Kí*, *Kí* (Hòa). Thủ Chiến Sai là “chức vụ được sai đi xây đồn canh để giữ an ninh”.

Bà Chợ là tỉnh ở miền Đông Nam Bộ trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) do phía lực lượng kháng chiến đặt, ban đầu gọi là tỉnh

Bà Rịa - Chợ Lớn (từ ngày 27/6/1951). Bà Chợ là do ghép tên hai tỉnh Bà Rịa và Chợ Lớn.

Thủ Biên là tỉnh ở miền Đông Nam Bộ trong thời gian từ tháng 5/1951 đến năm 1955 do phía lực lượng kháng chiến đặt. Thủ Biên ghép tên từ hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa.

Thắng Nhất, Thắng Nhì, Thắng Tam là ba thuyền (tương đương làng, xã quân quản) ở xứ Vũng Tàu dưới thời Minh Mạng (1832), quản lý một đội quân giải ngũ, đi khai thác ruộng hoang ở bán đảo Vũng Tàu. Sau năm 1836 mới gọi là *làng* hay *xã*. Nay thuộc thành phố Vũng Tàu (Thạch Phương - Nguyễn Trọng Minh, 2005).

2.2. Một số là các từ chỉ các chức danh cũ

Loại này có số lượng lớn hơn cả.

a) Một số chức danh có liên hệ đến giáo dục

Hiếu Liêm là xã của huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Hiếu Liêm có hai nghĩa: 1) Người có học hạnh mà do các địa phương tiến cử về triều. 2) Các ông cử nhân đời Minh và đời Thanh nước Tàu.

Học Lạc là chợ nằm trên đường Học Lạc, ở quận 5, TPHCM, chuyên bán thuốc lá điếu. Học Lạc là tên ông Học sinh Nguyễn Văn Lạc (1842 - 1915), một nhà thơ trào phúng nổi tiếng ở Nam Bộ.

Nhiều Lộ là kinh chảy qua các quận Tân Bình, Phú Nhuận và quận 3, TPHCM. **Nhiều** là từ gọi tắt của Nhiều học, **Lộ** là tên người (chưa rõ lý lịch ông này).

b) Một số chức danh có liên hệ đến quân sự

Điều Bát là chợ ở miền Tây Nam Bộ. Điều Bát là chức quan võ lo việc điều khiển binh lính. Điều bát nhưng vụ Nguyễn Văn Tồn, người Khmer, từng giữ chức này dưới thời Gia Long (Trương Ngọc Tường, 2000, tr. 27 - 31).

Đốc Binh Kiều là xã ở huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Đốc Binh Kiều là cách gọi tắt Đốc binh Nguyễn Tấn Kiều (hoặc Lê Công Kiều, Trần Phú Kiều), một lãnh tụ nghĩa quân hy sinh khi kháng Pháp ở vùng Tháp Mười.

Đốc Vàng Hạ là rạch ở xã Tân Thạnh, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Có ba người được xem là **Đốc Vàng**: Thượng tướng Trần Ngọc, Đề đốc Hoàng Công Thiệu (quê ở Quảng Ngãi), Phó tổng trấn Gia Định Trần Văn Năng (quê ở Khánh Hòa). Còn **Hạ** là để phân biệt với **Thượng**, chỉ hai vùng đất ở xa và gần biên giới Campuchia. Chưa thể xác định thuyết nào đúng.

Đội Cường là kinh nối sông Bảy Háp với sông Gành Hào (Bạc Liêu), rộng 4m, dài 8km. **Đội** là từ gọi tắt chức *cai đội* hoặc *đội trưởng* cai quản 50-60 lính dưới thời phong kiến. Dưới thời Pháp thuộc, **đội** còn dùng để chỉ chức vụ cai quản một tiểu **đội**, có cấp bậc trung sĩ (sergent). **Cường** là tên người.

Lãnh Binh Thăng là đường ở quận 11, TPHCM, dài 1.120m, lộ giới 25m. **Lãnh binh** là chức quan võ nắm quân đội cấp tỉnh thời Nguyễn, trật Chính tam phẩm. **Ông Lãnh** là cầu bắc qua

rạch Bến Nghé, quận 1, TPHCM. Cầu cũ hình chữ Z, dài 120m, rộng 5m, lè 0,3m, đã bị phá bỏ năm 2000. Cầu mới hình đường thẳng, dài 267m, rộng 20m, xây xong năm 2002. Ông Lãnh ở đây là Lãnh binh Nguyễn Ngọc Thăng (1798 - 1866). Sau năm 1858, ông đóng quân tại đồn Cây Mai và Thủ Thiêm, nên tại đình Nhơn Hòa, gần cầu, có bàn thờ ông.

Ông Nam là bãi cửa sông Ông Đốc, tỉnh Cà Mau. Tương truyền tại đây có con cá voi vì sẩy thai chết nên dân làng làm miếu thờ. Có lẽ Ông Nam là cách gọi tắt *Nam Hải Tướng quân*, tức cá voi (Lê Trung Hoa, 2003).

Phó Cơ Điều là đường phố nằm trên địa bàn hai quận 5 và 11, TPHCM. Phó cơ Điều có thể là cách nói tắt là *Phó quân cơ Nguyễn Văn Điều* (? - 1868), một anh hùng chống Pháp ở Nam Bộ. *Cơ* là đơn vị quân đội có 500 người.

Thống Linh là chợ ở xã Mỹ Ngãi, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Thống Linh là cách gọi tắt *Thống* lãnh binh Nguyễn Văn *Linh* (1815 - 1862). Ông sinh ra ở thôn Mỹ Ngãi, là một trong những lãnh tụ của phong trào chống Pháp ở Nam Bộ, bị Pháp bắt và xử tử tại chợ Mỹ Trà.

Thủ Đức là quận của TPHCM, diện tích 47,8km², dân số 211.000 người (2006), được thành lập ngày 6/1/1997, gồm 12 phường. *Thủ* là “đồn canh”, đồng thời là chức danh của người đứng đầu một thủ; *Đức* là tên người. Thủ Đức là cách gọi theo chức danh và tên của người trưởng thủ đầu tiên.

Như vậy, nếu hiểu *Thủ* là công trình xây dựng, thì là từ cổ, nay được thay thế bằng từ *đồn*; còn nếu hiểu *thủ* là chức danh thì xem như từ lịch sử. Các địa danh *Thủ Thừa* (Long An), *Thủ Thiêm* (TPHCM) cũng thuộc loại này.

c) Một số chức danh thuộc lĩnh vực *hành chính, lao động*

Bang Tra là chợ đầu mối ở xã Nhuận Phú Tân, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Bến Tre, lập năm 1892. Bang Tra là “ông bang trưởng tên Tra”, người giàu có bỏ tiền xây chợ (Thạch Phương - Đoàn Tú, 2001). Có người cho rằng ông Huỳnh Trà, một bang trưởng người Hoa, có công lập chợ và phát triển việc làm ăn, buôn bán nên người địa phương ban đầu gọi là chợ Bang Trà, sau nói chệch (Nguyễn Thị Kim Phượng, 2009). Thuyết này có thể đúng vì ở đây có hiện tượng đồng hóa thanh điệu. *Bang Tra* còn là sông ở xã Trung Thành Tây, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, vốn là một khúc sông Cổ Chiên, chảy qua vùng Bang Tra, làm ranh giới hai tỉnh Bến Tre và Vĩnh Long, dài 15,3km, rộng trên 1.000m, sâu 40-50m.

Bà Bồn là rạch và cầu ở huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Bà Bồn tên thật là Dương Thị Mai, có chồng làm Thủ bồn, cư ngụ tại vùng này (theo *Từ điển Vĩnh Long*). *Thủ bồn* là “chức việc coi giữ tiền bạc cho làng” (Huỳnh Tịnh Của, 1895 - 1896).

Biện Gắm là cầu ở xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, dài 20m. Biện Gắm là “bang biện tên Gắm”.

Biện Nhị là kinh xuất phát từ sông Cái

Tàu chày ra biển ở vịnh Thái Lan, tỉnh Cà Mau, dài 7km, rộng 30m, sâu 2-3m. *Biện* là cách gọi tắt của *bang biện*, chức thư ký trong làng ngày xưa. *Nhị* có lẽ là tên người.

Đốc Công là ngã ba trên đường Phan Đăng Lưu, quận Phú Nhuận, TPHCM, nơi xảy ra nhiều cuộc đấu tranh chống Pháp của công nhân sau Cách mạng Tháng Tám. Đốc Công là từ cổ, vốn chỉ người cai quản công nhân và hướng dẫn làm việc.

Đốc Phủ Chi là tên đường ở huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Ở huyện này còn có đường *Đốc Phủ Yên*. *Đốc phủ* là "chức quan lại cao cấp thời Pháp thuộc, trên phủ và huyện, có thể làm Quận trưởng hay Phó tỉnh trưởng, hoặc Đầu phòng ở Soái phủ" (Lê Văn Đức, 1970). *Chi, Yên* là tên người.

Tham Bua là ấp của xã Tân Thành, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Tham Bua là *Hương tham Bua*, một viên chức yêu nước ở làng Tân Thành lúc mới thành lập năm 1870. *Hương tham* là "chức lớn trong làng" (Huỳnh Tịnh Của, 1895 - 1896).

Bà Phán là rạch ở huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Bà Phán là vợ thông phán – chức thư ký các ngành ở cơ quan hành chính.

Khoán Tiết là rạch ở huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Khoán Tiết là người có chức danh *thủ khoán* (giữ sổ sách, tài sản) trong Hội đồng kỳ mục (Nguyễn Tấn Anh, 2008), tên Tiết.

Quản Long là tỉnh lỵ tỉnh An Xuyên, được thành lập ngày 22/10/1956. Nay thuộc thành phố Cà Mau. Quản Long

có lẽ gọi theo chức danh (hương quản) và tên người.

Thuộc Nhiêu là giồng trái dài theo chiều dài sông Tiền và đường Trung Lương đi Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Thuộc Nhiêu là Cai thuộc (lý trưởng) Nguyễn Văn Nhiêu, có công lập chợ Thuộc Nhiêu, cách chợ hiện nay (dời vào khoảng 1962 - 1963) độ 300m (Trương Ngọc Tường, 2000).

2.3. Một địa danh vốn là *tên một công trình xây dựng*

Xã Tây là chợ ở đường Phù Đổng Thiên Vương (phường 11, quận 5, TPHCM), được xây dựng năm 1925. Xã Tây là tòa đô chính, ở đây là của thành phố Chợ Lớn, do chợ ở cạnh đó (Lê Trung Hoa, 2003).

3. TỪ ĐỊA PHƯƠNG

Từ địa phương là những từ chỉ phổ biến ở một số địa phương.

3.1. Trước hết là những từ chỉ *chức danh* và *con người*

Cặp Răng Núi là kinh nhỏ dẫn nước từ kinh Nguyễn Văn Tiếp vào sâu trong Đồng Tháp Mười, thuộc xã Tân Hòa Tây, huyện Cai Lậy, nay thuộc huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. *Cặp răng Núi* là từ gốc nửa Pháp nửa Việt, là chức danh và tên chính của *Caporal Nguyễn Văn Núi*, làm quản lý cho một người Pháp khai hoang vùng đất này vào khoảng năm 1930 (Trương Ngọc Tường, 2000).

Rẫy Chệt là địa điểm nằm cách mũi Cà Mau 10km (cũng viết Rẫy Chệt). Bản đồ thời Pháp ghi Jardin Chinois ("vườn của người Hoa"). Rẫy Chệt là

“rẫy của người Việt gốc Hoa” vì ban đầu có một người Hoa đến sinh sống, nhưng vì thấy hoàn cảnh khó khăn nên bỏ đi (Nghê Văn Lương, 2003).

3.2. Kế đến là từ chỉ *hành động*

Lấp Vò là một huyện của tỉnh Đồng Tháp, diện tích 243,9km², dân số 171.300 người (2006), gồm một thị trấn và 12 xã. Từ Lấp Vò gốc Khmer là *Srôk Tak Por* – “xứ trét thuyền” để chống hà ăn (Thái Văn Kiểm, 1960). Hiện nay ở Lấp Vò vẫn còn một nơi chuyên sửa thuyền.

3.3. Tiếp theo là những từ chỉ *công trình xây dựng*.

Tha La là vùng đất ở xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. *Tha La* cũng là ao ở xã Tân Lý Tây, tỉnh Tiền Giang và là chợ ở huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. *Tha La* gốc Khmer là *Sa-la*, có hai nghĩa là “trường học” và “chòi ở bên đường để khách nghỉ chân”.

3.4. Một số là từ chỉ *địa hình*

Bùng Binh là rạch ở quận 10 và quận 3, TPHCM, từ Bộ Tư lệnh TPHCM đến rạch Nhiêu Lộc, dài độ 500m. Đầu thế kỷ XXI, rạch đã bị lấp, làm thành đường phố, mang tên đường Rạch Bùng Binh. *Bùng Binh* cũng là rạch chảy xuyên hương lộ 10, đến phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ, dài 5km. *Bùng Binh* là chỗ phình rộng giữa sông rạch, có thể có cù lao ở giữa, ghe thuyền có thể trở đầu (Lê Trung Hoa, 2003). Đầu thế kỷ XX, từ *bùng binh* mới được dùng để chỉ nơi giao lộ trong thành phố, như *bùng binh* Sài Gòn, *bùng binh* Ngã Bảy.

Búng là vùng đất thuộc tỉnh Bình Dương. Dòng sông Sài Gòn chảy đến đây tạo thành một chỗ xoáy sâu, rất nguy hiểm đối với ghe thuyền. Chỗ đó gọi là *búng*, sau trở thành tên vùng đất. Búng là “chỗ nước sâu làm ra một vùng” (Huỳnh Tịnh Của, 1895 - 1896).

Cổ Lịch là sông ở tỉnh Vĩnh Long xưa. Cổ Lịch là (khúc sông) nhỏ và dài, giống cổ con lịch – một loại còng giống với con lươn (Huỳnh Tịnh Của, 1895 - 1896).

Bưng Môn là địa điểm ở TPHCM. Từ *Bưng* gốc Khmer là *bâng*, nghĩa là “vùng đất sâu và rộng ở giữa đồng”; *Môn* là “cây môn nước”.

Đường Trâu là rạch ở huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Đường Trâu là “đường trâu thường đi tạo thành rạch” (Nguyễn Tấn Anh, 2008).

Đường Xuồng là kênh ở huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Đường Xuồng là “dòng nước mà các chiếc xuồng thường đi lại” (Nguyễn Tấn Anh, 2008).

Lòng Tàu là sông nhánh của sông Nhà Bè, chảy trong huyện Cần Giờ, TPHCM, dài độ 45km, lòng sông rộng và sâu, Lòng Tàu có nghĩa là “lòng chiếc tàu”, chỉ khúc sông sâu như lòng chiếc tàu.

Eo Lói là khúc sông nhỏ chảy từ Băng Cung ra Cổ Chiên, tỉnh Vĩnh Long. Eo Lói là “chỗ quanh gắt trên đường, trên sông, có cù chỏ” (Nguyễn Tấn Anh, 2008).

Gãy là chợ hiện nay ở huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, nơi gặp nhau giữa 5 con sông và kinh: Đồng Tiến, Tư Mới (Quatre Bis), Phước Xuyên,

Dương Văn Dương (Lagrange) và Kháng Chiến. Thời Pháp thuộc chỉ mới có hai con kinh mang tên Pháp, chúng tạo thành một góc nhọn 30° . Gãy vì hai con kinh nối tiếp nhau giống như một khúc cây gãy nên địa điểm này mang tên trên (Thái Văn Kiểm, 1960). *Gãy Cờ Đen* là địa điểm có chợ Gãy, tỉnh Đồng Tháp. **Gãy Cờ Đen** vì tại đoạn kinh gãy khúc có cắm một lá cờ đen khá cao làm mục tiêu (dân địa phương thường gọi là *phong tiêu* hay *bông tiêu*) để ngắm theo đó mà đào cho con kinh không lệch hướng (Bùi Đức Tịnh, 1999).

Ô Môn là quận của thành phố Cần Thơ, diện tích $125,6\text{km}^2$, dân số 128.300 người (2006), gồm 5 phường. Dân số huyện Ô Môn một nửa là người Khmer, một nửa là người Kinh. Ô là “vũng, bàu”; Môn là “cây môn nước”.

Rạch Ngọn là vùng đất ở huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. *Rạch* gốc Khmer là *prêk*; từ *Ngọn* gốc thuần Việt, nghĩa là “dòng nước nhỏ ở đầu sông rạch lớn”.

Rông là rạch ở huyện Hóc Môn, TPHCM. Rông là “đường nước tự nhiên, khuyết sâu xuống, nhỏ hơn rạch, ngả” (Lê Trung Hoa, 2003).

Tắc Cậu là kinh ở huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. *Tắc Cậu* còn là bến cảng ở xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Tắc Cậu có dạng gốc là *Tất Cậu*, nghĩa là con kinh (và bến cảng) đi *tất* qua gần miếu *Cậu*. Miếu Cậu bắt nguồn từ tín ngưỡng thờ Thủy Long thần nữ (Trương Ngọc Tường, 2000).

Tráp Bèo là kinh ở xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Tráp Bèo vừa là từ gốc Khmer vừa là từ thuần Việt. Từ *Tráp* gốc Khmer là *Pangtrap*, là chỗ trũng, ngập nước, nhỏ hơn bưng. Tráp Bèo có lẽ trước đây là vùng trũng có nhiều bèo (Trần Hoàng Diệu, Nguyễn Quang Ân, 2007).

Ụ là rạch ở giữa Giang Thành và Chiêu Anh Các, Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Ụ là “dòng nước nhỏ”. *Ụ Cây* là rạch, làm ranh giới giữa phường 10 và 11, quận 8 (TPHCM), nối kinh Tàu Hũ với kinh Đồi, dài độ 1.200m. *Ụ Cây* là đồng cây, trước đây chở từ Tây Ninh, Bình Phước về để sản xuất thành phẩm. *Ụ Ghe* là bến ở làng Bình Phú, nay thuộc phường Tam Phú, quận Thủ Đức, TPHCM. Ụ Ghe là chỗ sâu trên một dòng sông và ăn sâu vào đất liền để ghe thuyền đậu lại, và bờ sông ở đây ít dốc để dễ kéo thuyền lên sửa.

Vàm là tên rạch ở phường Thạnh Lộc, quận 12, TPHCM. Từ *Vàm* gốc Khmer là *Piêm*, nghĩa là “ngã ba sông, rạch”.

3.5. Tiếp theo là từ địa phương chỉ *cây cối*

Từ địa phương chỉ tên thực vật ở Nam Bộ có số lượng nhiều hơn cả.

Trảng Bom là huyện của tỉnh Đồng Nai, được thành lập tháng 8/2003, tách ra từ huyện Thống Nhất, diện tích $326,1\text{km}^2$, dân số 177.400 người (2006), gồm một thị trấn và 16 xã. Trảng Bom là “trảng có trồng nhiều cây chùm bao lôm, đọc trại thành bom, sinh ra một thứ dầu gọi là chaulmougra,

dùng để trị phong hủi” (Thái Văn Kiểm, 1960). Ý kiến này có thể đúng vì các lý do sau: 1. Có người từng nói với chúng tôi là đã thấy cây bom ở vùng Thủ Đức (TPHCM); 2. Ở Phú Yên, Vĩnh Long có địa danh Cây Bom. 3. Loại địa danh “Trảng + tên cây” khá phổ biến ở Nam Bộ: Trảng Bàng (cỏ bàng), Trảng Dón...

Bồn Bồn là kinh ở huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Bồn Bồn là “tên của một loại cây có thân dẹp, thường được trồng nhiều ở Cà Mau và Bạc Liêu. Phần lá non hay được dùng làm dưa chua ăn kèm với các món gỏi” (Nguyễn Tấn Anh, 2008).

Chim Chim là mũi đất ở huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và là ngã ba thuộc xã Đông Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Đây là “tên cây có lá 5 chia, vỏ nó kêu là ngũ gia bì; vị trị thuốc đau mình” (Huỳnh Tịnh Của, 1895 - 1896).

Bún Cồng là ấp cũ của xã Minh Thành, huyện Chợ Thành, tỉnh Bình Phước. Bún, Cồng là tên hai loại cây. Cây *bún* có lá láng như lá mít; cây *cồng* có thể làm chày giã gạo.

Gò Chai là bến phà vượt sông Vàm Cỏ Đông, thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Gò Chai là gò có nhiều cây *chai*. Chai là loại cây cho mũ đóng cục, nấu chảy để thấp, đốt.

Ngan Dừa là phụ lưu bên phải của sông Cái Lớn ở tỉnh Kiên Giang, đổ ra cửa Rạch Giá. *Ngan* do từ Hán - Việt *ngạn*, là “bờ, bờ bao” của các lô đất khai thác mật ong mà ra. *Dừa* là biến âm của *Gừa*. Ngan Gừa là “bờ bao có

cây gừa”. Tuy vậy, G- khó chuyển đổi với D- nên Dừa ở đây có thể là tên một loại cá ở Nam Bộ.

Dùng là xẻo ở xã Ninh Thạnh Lợi, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Dùng là loại cỏ cao 0,6 - 1m, lóng dài 5 - 15cm, rễ trị bệnh đau mắt. Xẻo Dùng là dòng nước nhỏ có nhiều cây dùng.

Nâu là giồng (gò) ở huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Nâu là biến âm của Ngâu, một loại cây mọc nhiều trên giồng (Việt Cúc, 1999).

Rạch Nga là cầu ở huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Ở tỉnh này còn có rạch Xẻo Nga (Nguyễn Tấn Anh, 2008). Từ Rạch Nga vừa có gốc Khmer vừa có gốc Hán - Việt. Nga là cách gọi tắt của *nga truyệt*, một loại ngải dùng làm thuốc máu (Nguyễn Tấn Anh, 2008).

Ráng là rạch ở xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, TPHCM, đổ vào sông Cần Giuộc. Ở tỉnh Kiên Giang có địa danh *Tất Ráng*. Ráng là loại “cây mọc ở rìa nước có cọng lá dài người ta hay dùng làm chổi”.

Mượp Sát là ấp ở huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Mượp Sát có âm gốc là *Mượp Sác*, là loại “cây cao 4 - 6m; cành thô và to, gỗ mềm; hoa trắng, thơm. Cũng còn gọi là *son dương tử*, *hải qua tử*” (Nguyễn Tấn Anh, 2008).

Săng Đá là thành ở thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, xây năm 1868, sau có trường tiểu học mang tên này. Săng Đá gốc Pháp *Soldat*, nghĩa là “lính” vì nơi đây trước kia là khu quân sự. *Soldat* được thay bằng tên cây *săng đá*, một loại cây gỗ rất cứng, vì hai từ có ngữ âm gần giống nhau.

Săng Máu là rạch ở huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Săng Máu là một loại cây thường mọc ở đất rừng, ven sông rạch, mũ cây màu đỏ như máu.

Láng Thé là cánh đồng ở xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, TPHCM và ở tỉnh Vĩnh Long. Láng Thé là "vùng đất thấp, thường ngập nước có nhiều cỏ thé".

Tóc Tiên là núi ở xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, cao 432m. Tóc Tiên là loại dây leo nhiều nhánh quấn lấy nhau, lá kép mảnh có nhiều khía hẹp và sâu, hoa đỏ, lá và đọt ăn được (Thạch Phương - Nguyễn Trọng Minh, 2005).

Giồng Trôm là huyện của tỉnh Bến Tre, diện tích 311,4km², dân số 182.400 người (2006), gồm một thị trấn và 21 xã. *Giồng* là biến âm của vòng; *Trôm* là "loại cây to, lá giống lá cây gòn nhưng tới 7 phiến; hoa đỏ không cánh (...); cây tiết ra mũ trong, đặc, ăn mát".

Vòi Voi là rạch ở tỉnh Vĩnh Long. Vòi Voi là loại "cây nhỏ, cao độ 20 - 40cm, lá hình trứng dài, hoa màu tím nhạt hoặc trắng, có đài cùng cuộn lại như vòi con voi" (Nguyễn Tấn Anh, 2008).

Bàu Sàng là ấp của xã Vĩnh Bình, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. Bàu Sàng có âm gốc *Bàu Xàng*, là cái bàu có mọc nhiều cây xàng. Xàng là loại cây lớn, lá rụng theo mùa, nhánh non có lông, quả nhân cứng dài 3 - 4cm, có 5 rãnh (Thanh Chí, 2005, tr. 25-26).

3.6. Một số từ khác chỉ các con vật sinh sống ở địa phương

Ba Khía là đường phố ở thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Ba Khía là "loại còng vỏ tím, nhỏ con, càng ngoe đẹp có cạnh" (Lê Văn Đức, 1970).

Chốt là rạch ở huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. *Chốt* là loại cá nhỏ, sọ đẹp và to, có hai ngạnh bén và râu đậm ngang.

Cá Chốt là chợ ở xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, và là rạch ở xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM, từ kinh Đồng Điền phía bắc chảy xuống phía nam, nhập vào ngã ba rạch Công Điền và rạch Dinh Ông, dài độ 2.500m.

Còng Gió là rạch ở huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Còng Gió là loại còng nhỏ, vỏ trắng, ngoe càng thật dài (Lê Văn Đức, 1970).

Còng Cộc là rạch ở huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Còng Cộc là loại "chim có lông màu đen, to bằng chim le le, hay lặn xuống nước để bắt cá" (Nguyễn Tấn Anh, 2008).

Cúm là rạch ở huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Cúm, có tên đầy đủ là *cúm núm*, là "loại chim sống ở nước cùng họ với cuốc có lông màu xám" (Nguyễn Tấn Anh, 2008).

Cá He là còng ở xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, dài 9km, rộng 3km. Cá He là "loại cá nước ngọt, thường có màu vàng, có hình dạng tựa cá chép" (Huỳnh Tịnh Của, 1895 - 1896). Gọi là còng Cá He vì quanh còng rất nhiều cá loại này.

Cá Tra là rạch ở huyện Nhà Bè, TPHCM. Tên Cá Tra gốc Khmer là *Pra*,

là “loại cá nước ngọt, không vảy, lưng đen, bụng trắng, mình có lớp mỡ dày”.

Cá Vồ là rạch ở xã Tam Thôn Hiệp, huyện Cần Giò, TPHCM. Cá Vồ là “thứ cá lớn đầu, cùng loại với cá tra, nên cũng gọi là cá tra vồ”.

Ốc Len là rạch ở xã Lý Nhơn, huyện Cần Giò, TPHCM, dài độ 1.000m. Ốc Len là thứ ốc ở rừng Sác, to bằng ngón tay cái, vỏ dài và thon, ruột xanh, đen và vàng, thường bám theo các cây đước, vẹt, bần hoặc trên các tảng đá khi nước lên (Lê Văn Đức, 1970).

3.7. Mặt khác, một số từ chỉ *tính chất* của sự việc

Giá Rai là một huyện của tỉnh Bạc Liêu, diện tích 344,7km², dân số 117.600 người (2006). *Giá* là tên cây; *Rai* có nghĩa là lúa thừa. Giá Rai là khu có những cây giá mọc lúa thừa (Bùi Đức Tịnh, 1999).

Giá Rậm là địa điểm cách thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu 4km. Giá Rậm là “vùng cây giá mọc rậm rạp” (Bùi Đức Tịnh, 1999).

Ruột Ngựa là kinh ở phường 16, quận 8, TPHCM, từ rạch Lò Gốm đến cuối nguồn, dài độ 5.700m. Nguyên là dòng nước nhỏ hẹp, quanh co, ghe thuyền không đi lại được. Năm 1772, đốc chiến Nguyễn Cửu Đàm được lệnh huy động dân đào rộng ra. Tên dịch là Mã Trường giang (kinh Ruột Ngựa). Đầu thế kỷ XIX, kinh được đào rộng và sâu hơn, tàu bè đi lại thuận lợi. Gọi Ruột Ngựa vì kinh thẳng như ruột ngựa.

Cái Dầy là cầu ở tỉnh Bạc Liêu. Cái Dầy vốn là tên làng, sau chuyển thành

tên cầu. Cái Dầy là “dòng nước có nhiều cá lóc bơi lội dầy (dày đặc)”. Ở Quảng Ngãi ngày nay còn nói “đông dầy” (rất đông).

3.8. Ngoài ra, một số từ chỉ *đồ vật*

Chày Đạp là rạch ở huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chày Đạp là “chày lớn có cần đạp” (Huỳnh Tịnh Của, 1895 - 1896). Có lẽ bên rạch có chày đạp để lấy nước vào ruộng nên có tên trên.

Chệt là sông ở huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Chệt, còn gọi là xà cạp, là loại thuyền có mũi bằng, thường được đóng bằng gỗ mù u, có bề rộng khoảng 0,5m, dài 1 - 1,5m để chở các loại nông cụ, hàng hóa, xe cộ... qua lại giữa các mương nước nhỏ, sông rạch nhỏ. Cây chèo của chệt thường bằng gỗ sao để có độ chắc, bền, nhằm giúp việc đẩy chệt đi nhanh và xa” (Nguyễn Tấn Anh, 2008).

Xáng là kinh chảy qua hai xã Lê Minh Xuân và Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, TPHCM, nối kinh Ngang với sông Chợ Đệm, dài độ 7.000m, được đào dưới thời Pháp thuộc. Từ *Xáng* gốc tiếng Pháp là *chaland*, thường gọi là chiếc sà-lan, trên đó người ta đặt cái máy đào kênh, vét bùn. Kinh Xáng là con kinh do xáng đào. Ở Nam Bộ có nhiều con kinh đào mang tên này (Lê Văn Đức, 1970).

Xáng Thối là hồ ở phường An Cư, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Xáng Thối vừa là từ gốc Pháp vừa là từ thuần Việt. *Xáng Thối* có nghĩa là do xáng cạp đất dưới đáy hồ rồi phun lên bờ.

Lái Bong là rạch ở xã Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Lái Bong là người lái buôn kinh doanh bột gạo để làm bánh tráng (Võ Nữ Hạnh Trang, 2006).

4. KẾT LUẬN

Địa danh thuộc phạm trù lịch sử và địa danh thường mang dấu ấn của địa phương. Bởi vậy, địa danh mang nhiều từ cổ, từ lịch sử, từ địa phương

của nhiều thời đại khác nhau. Giải mã các từ này, chúng ta sẽ thấy rõ hơn bản chất và ý nghĩa của các địa danh để quyết định có nên duy trì hoặc thay đổi các địa danh này hay không. Hiểu các địa danh cũng giúp ta càng yêu tiếng mẹ đẻ và vùng đất mà tổ tiên chúng ta đã đổ nhiều công sức giúp cho cuộc sống chúng ta no ấm hơn, hạnh phúc hơn. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ban Biên soạn tỉnh Vĩnh Long. *Từ điển Vĩnh Long* (bản thảo đánh máy).
2. Béhaine, P.P. de. 1999. *Tự vị An Nam - Latinh* (Dictionarium Anamitico - Latinum, 1772 - 1773), Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên dịch và giới thiệu. TP HCM: Nxb. Trẻ.
3. Bình Nguyên Lộc. 1972. *Lột trần Việt ngữ*. Sài Gòn: Nguồn Xưa xuất bản.
4. Bùi Đức Tịnh. 1999. *Lược khảo nguồn gốc địa danh Nam Bộ*. TP HCM: Nxb. Văn nghệ.
5. Huỳnh Tịnh Của. 1895 - 1896. *Đại Nam quốc âm tự vị*. Sài Gòn.
6. Lê Trung Hoa (chủ biên). 2003. *Từ điển địa danh thành phố Sài Gòn - Hồ Chí Minh*. TP HCM: Nxb. Trẻ.
7. Lê Văn Đức. 1970. *Việt Nam tự điển*. Sài Gòn: Khai Trí xuất bản.
8. Ngô Văn Lương. 2003. *Cà Mau xưa*. Hà Nội: Nxb. Thanh niên.
9. Nguyễn Tấn Anh. 2008. *Những đặc điểm chính của địa danh ở Vĩnh Long*. Luận Thạc sĩ khoa học Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM.
10. Nguyễn Thị Kim Phượng. 2009. *Nghiên cứu địa danh ở tỉnh Bến Tre*. Luận văn thạc sĩ Khoa học Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm TP HCM.
11. Thạch Phương - Đoàn Tử (chủ biên). 2001. *Địa chí Bến Tre*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
12. Thạch Phương, Nguyễn Trọng Minh (chủ biên). 2005. *Địa chí Bà Rịa - Vũng Tàu*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
13. Thái Văn Kiểm. 1960. *Đất Việt trời Nam*. Sài Gòn: Nxb. Nguồn sáng.
14. Thanh Chí. 2005. *Một số địa danh ở Bạc Liêu có nguồn gốc là tên thực vật*. Bạc Liêu xưa và nay, số Xuân Ất Dậu.
15. Trần Hoàng Diệu, Nguyễn Quang Ân (chủ biên). 2007. *Địa chí Tiền Giang - tập II*. Ban Tuyên giáo tỉnh Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử - văn hóa Việt Nam.
16. Trương Ngọc Tường. 2000. *Một số địa danh ở Tiền Giang*. Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật Tiền Giang, tháng 11/ 2000.
17. Việt Cúc. 1999. *Gò Công cảnh cũ người xưa*. TP HCM: Nxb. Trẻ.
18. Võ Nữ Hạnh Trang. 2006. *Văn hóa qua địa danh Việt ở tỉnh Đồng Nai*. Luận văn Thạc sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM.